

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐTTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/02/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR	7:45	5+12	0+0		5+15	0+0	
2		PVD8	9:45	21	0		19	0	
3		MRM+TD3+SAVR	11:45	3+2+11	0+0+0		5+0+14	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: NAM - N.CƯƠNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0822	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DENIS MOSNIER	PVD8	86	1	10			98	PVD DD	French
2	TRẦN QUỐC HOANG	PVD8	93	1	9			100	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TỈNH	PVD8	92	1	12			79	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIỀN	PVD8	94	1	8			67	DVL	Vietnamese
5	TRẦN BA ĐỨC	PVD8	95	1	12	3	60	94	DVL	Vietnamese
6	VÕ THANH ĐOÀN	SAVR	64-65	2	14			68	BAKER HU	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THỬA THIÊN	SAVR	51-52	2	16			71	BAKER HU	Vietnamese
8	KULIK VIACHESLAV	SAVR	68	1	9			72	AMHTP	Russian
9	KLISHIN SERGEI	SAVR	63	1	14			96	AMHTP	Russian
10	GORYUNOV DENIS	SAVR	55-56	2	16			88	AMHTP	Russian
11	VINNIKOV SERGEI	SAVR	58	1	11			111	AMHTP	Russian
12	VOICHENKO IGOR	SAVR	69-70	2	19			97	AMHTP	Russian
13	AGASHKOV SERGEI	SAVR	57	1	8			90	AMHTP	Russian
14	NGUYỄN HOANG ANH DŨNG	SAVR	53-54	2	18			70	PVD LOGGI	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN DOANH	SAVR	59-60	2	13			75	PVD LOGGI	Vietnamese
16	KVARTNIKOV ALEKSEY	SAVR	66-67	2	20			141	AMHTP	Russian
17	VALIEV ILDAR	SAVR	61-62	2	8			70	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	438	5	51	3	60	5		
2	SAVR	12	1.049	20	166	0	0	15		
TOTAL		17	1.487	25	217	3	60	20		
WEIGHT KG			1.487		217		60			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
 PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8	CREW: NAM - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0823	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN QUOC TUAN	PVD8	56-57	2	19			82	PVD LOGGI	Vietnamese
2	TRAN MANH DUC	PVD8	46	1	7			60	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN PHAM TUAN ANH	PVD8	52	1	6			59	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG GIANG	PVD8	34-35	2	5			57	PSV	Vietnamese
5	VAN HUY THANH	PVD8	48	1	9			69	PVDO	Vietnamese
6	TRAN QUOC TUAN	PVD8	44	1	6			72	PVDO	Vietnamese
7	TRAN XUAN ANH	PVD8	58	1	4			59	PVDO	Vietnamese
8	NGUYEN THANH BINH	PVD8	51	1	3			70	PVDO	Vietnamese
9	TRAN NGON QUANG HUY	PVD8	50	1	5			78	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC HIEU	PVD8	59	1	3			85	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN MANH TUAN	PVD8	55	1	10			93	PVDO	Vietnamese
12	PHAN VAN TRINH	PVD8	60	1	5			70	PVDO	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HOANG QUAN	PVD8	47	1	2			58	PVDO	Vietnamese
14	LE VAN HAI	PVD8	53	1	7			82	PVDO	Vietnamese
15	TRAN QUOC HAO	PVD8	54	1	6			47	PVDO	Vietnamese
16	VU ANH HIEU	PVD8	45	1	17			62	SCHLUMBE	Vietnamese
17	RIM YUSUPOV	PVD8	38-39	2	20			71	SCHLUMBE	Russian
18	NGUYEN THANH PHU	PVD8	42-43	2	20			91	SCHLUMBE	Vietnamese
19	MAT KHUZAILIFAH BIN SAID	PVD8	40-41	2	14			84	SCHLUMBE	Malaysian
20	NGUYEN THE HUY	PVD8	49	1	11			80	CODIEN	Vietnamese
21	HOANG VAN NAM	PVD8	36-37	2	10			74	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	21	1.503	27	189	0	0	19		
TOTAL		21	1.503	27	189	0	0	19		
WEIGHT KG			1.503		189		0			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

TRAN HONG NAM
PHAN NHU CUONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO:MRM - TD3 - SAVR	CREW: QVIỆT - MTHAO - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/0824		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BORIS PANKOV	MRM	39	1	9			92	HALLIBUR	Russian
2	LÊ HAI NGÂN	MRM	36-38	3	20			60	KHOAN	Vietnamese
3	KIRICHENKO K.P.	MRM	35	1	12			84	KHOAN	Russian
4	TRẦN QUANG THANH	TD3	64	1	12			60	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TIEN THANH	TD3	65	1	15			84	KHOAN	Vietnamese
6	VTEKHIN IVAN	SAVR	73-74	2	15			77	AMHTP	Russian
7	ZHULIANOV DMITRY	SAVR	83	1	12			100	AMHTP	Russian
8	MAKAROV KONSTANTIN	SAVR	75-76	2	10			84	AMHTP	Russian
9	KOROTKOV ANDREI	SAVR	71	1	4			119	AMHTP	Russian
10	URZHANOV BAKHETZHAN	SAVR	77-78	2	13			108	AMHTP	Russian
11	PANKOV SERGEY	SAVR	72	1	8			82	AMHTP	Russian
12	GIMAEV RISHAT	SAVR	81	1	5	1	24	88	AMHTP	Russian
13	POMOZOV ALEKSANDR	SAVR	79	1	4			68	AMHTP	Russian
14	USMANOV ALFRED	SAVR	80	1	13			112	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	3	236	5	41	0	0	5		
2	TD3	2	144	2	27	0	0	0		
3	SAVR	9	838	12	84	1	24	11		
TOTAL		14	1.218	19	152	1	24	16		
WEIGHT KG			1.218		152		24			

GRAND TOAL: 1.394 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO